

Số 73/NQ-HĐQT

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 01 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP THAN HÀ LÂM - VINACOMIN**  
**Phiên Thứ 73**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin.  
Căn cứ kết quả biểu quyết bằng văn bản của 5/5 (100%) thành viên Hội đồng quản trị,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành thông qua kế hoạch SXKD năm 2017 (một số chỉ tiêu chủ yếu) - Công ty CP Than Hà Lâm -Vinacomin, bao gồm các chỉ tiêu sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2017
1	2	3	4
<b>A</b>	<b>SẢN LƯỢNG</b>		
1	Than nguyên khai	1000Tấn	2 600
	- Than lộ thiên	„	300
	- Than hầm lò	„	2 300
2	Đất đá bóc	1000m <sup>3</sup>	2 700
	- Đất CBSX Khu II Vĩa 11	„	2 700
	+ Tự làm		1 000
	+ Thuê ngoài		1 700
3	Đào lò CBSX	m	13 260
4	Mét lò xén	m	5 650
5	Sản xuất than sạch	1000Tấn	595
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU CÔNG NGHỆ</b>		
1	Hệ số bóc đất sản xuất	m <sup>3</sup> /t	9.00
2	Hệ số mét lò CBSX	m/1000t	5.77
3	Hệ số thu hồi than sạch	%	85
	Trong đó: Than TCVN	%	75.5
	Than tiêu chuẩn cơ sở	„	9.5
4	Tổn thất khai thác		



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2017
	- Lộ thiên	%	4.89
	- Hầm lò	%	23.51
5	Thể trọng than của vỉa (bình quân)	t/m <sup>3</sup>	1.666
	- Lộ thiên	„	1.678
	- Hầm lò	„	1.664
6	Thể trọng đất đá lộ thiên	„	2.443
7	Cung độ vận chuyển		
	- Than nguyên khai lộ thiên	Km	1.829
	- Đất đá lộ thiên	„	2.693
	- Than trong lò	„	3.379
	- Đất đá hầm lò	„	5.168
	+ Trong lò ra cửa lò	„	3.276
	+ Từ cửa lò ra bãi thải	„	1.892
	- Than lò ngoài mặt bằng	„	0.705
	- Cung độ v/c than tiêu thụ cảng lẻ (Lộ Phong)	„	5.847
8	Tỷ lệ đất đá phải nổ mìn lộ thiên	%	60.05
9	Độ cứng đất đá nổ mìn lộ thiên	f	9.424
	Độ cứng đất đá nổ mìn hầm lò	f	9.731
10	Bơm thoát nước lộ thiên	1000m <sup>3</sup>	850
11	Bơm thoát nước hầm lò CBSX	1000m <sup>3</sup>	6 120
12	Khoan thăm dò trong lò (L= 150 m)	m	2 000
	- Thuê ngoài		350
	- Tự làm		1 650
13	Khoan thăm dò tiến trước gương lò (L= 6 m)	m	25 500
<b>C</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU KHÁC</b>		
1	Doanh thu tổng số	tr.đồng	2 650 031
	- Doanh thu sản xuất than	„	2 650 031
	- Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	„	
2	Lợi nhuận	tr.đồng	33 471
	- Sản xuất than	„	33 471
3	Giá thành, giá bán	„	
	- Giá bán bình quân than quy sạch	đ/tấn	1 199 109
	- Giá thành bình quân than quy sạch	„	1 183 964
4	Thu nhập và đơn giá tiền lương		
4.1	Tiền lương bình quân theo lao động định mức	1000đ/ng-thg	11 124

337  
 TỶ  
 LẦN  
 LÀ LÀ  
 COMI  
 T QU

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2017
	- Trong đó: sản xuất than	"	11 149
4.2	Chỉ tiêu hướng dẫn đơn giá tiền lương		
	- Sản xuất than (không b.gồm quỹ lương viên chức q.lý)	d/1000đ DT	191.1
5	Sửa chữa tài sản cố định	tr.đồng	112 010
	- Thiết bị cơ điện	"	70 360
	- Thiết bị vận tải	"	33 650
	- Vật kiến trúc	"	8 000

**Điều 2.** Kế hoạch SXKD nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 để xin ý kiến theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Nghị quyết này là cơ sở để các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty cổ phần Than Hà Lâm -Vinacomin thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần Than Hà Lâm -Vinacomin và các quy định của pháp luật có liên quan./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- SGĐCKHN, UBCKNN;
- Người CBTT;
- Website Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Lưu Thư ký.

1

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phạm Trung Tuấn

